

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/LĐ-ST

Ngày: 17-7-2025

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
lao động”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Hồng Việt – Công chức tư pháp UBND phường Bình Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2025/TLST-LĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2025/QĐXXST-LĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2025/QĐST-DS ngày 27/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1966; thường trú: 1056/2/25/27/2C khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Y; địa chỉ: Số C khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Ông SUZUKI T, chức vụ: Tổng giám đốc, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị H1, sinh năm 1960; thường trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã L, tỉnh Hà Tĩnh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu); trụ sở: khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2024, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Vì có nhu cầu rút sổ bảo hiểm xã hội nên bà H có liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu) thì bà H được biết thời điểm từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 10 năm 2010 bà H có ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH Y, có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty này. Tuy nhiên thực tế thời gian trên bà H đang làm việc tại công ty khác, đồng thời bà H có cho bà Trần Thị H1 mượn chứng minh nhân dân của bà H để ký hợp đồng, làm việc tại Công ty TNHH Y.

Nay bà H yêu cầu toà án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Trần Thị H (do bà Trần Thị H1 là người ký) với Công ty TNHH Y trong khoảng thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 11/2010 là vô hiệu toàn bộ, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn Công ty TNHH Y không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng.

- Tại văn bản ngày 17/4/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1 trình bày: Vào tháng 10 năm 2009 vì không có giấy tờ tùy thân nên bà H1 có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Trần Thị H để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y và tham gia bảo hiểm xã hội với tên Trần Thị H từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 11 năm 2010, bà H1 đã nghỉ việc tại Công ty TNHH Y và bà H1 vẫn chưa liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để giải quyết chế độ. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà thống nhất, không có yêu cầu gì khác đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu) trình bày: Công ty TNHH Y có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp cho bà Trần Thị H, sinh ngày 01/5/1966 căn cước công dân số 042166010058 (CMND: 024767949) mã số Bảo hiểm xã hội 7409277686 từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 11 năm 2010, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019); Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự); Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều

12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị H khởi kiện Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Trần Thị H (do bà Trần Thị H1 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH Y trong khoảng thời gian làm từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 11 năm 2010 là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH Y có trụ sở địa chỉ: Số C khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Y và bà Trần Thị H. Tuy nhiên, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trần Thị H1 dùng nhân thân của bà Trần Thị H để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 11 năm 2010 được công ty T1 được thể hiện đầy đủ tại sổ bảo hiểm xã hội số 7409277686.

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin bảo hiểm xã hội có cơ sở xác định: Việc bà H1 sử dụng thông tin trong chứng minh nhân dân của bà H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015), xét thấy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trần Thị H và Công ty TNHH Y từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 11 năm 2010 là có cơ sở chấp nhận.

Do đương sự chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và không có yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét.

Đối với quyền lợi của bà Trần Thị H1 do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự);

Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc Tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn là Công ty TNHH Y.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Trần Thị H và Công ty TNHH Y từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 11 năm 2010 bị vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu) thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Trần Thị H theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H tự nguyện chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000518 ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;

- Phòng thi hành án dân sự khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Vũ Thị Nhâm